

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHIÊM HÓA  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tưởng Thị Thu.

2. Ông Hoàng Văn Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bàn Thị Bích Duyên -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa:** ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm KS, xã KP, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Bàn Văn Q, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2003 thì mâu thuẫn bắt đầu nảy sinh đến năm 2005 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do anh Q không tu trí làm ăn, hay uống rượu, đánh bạc, không quan tâm đến

vợ con, không lo kinh tế gia đình. Chị đã cho anh Q nhiều cơ hội để sửa đổi bản thân, khắc phục mâu thuẫn, nhưng anh Q không thay đổi dẫn đến vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bàn Văn Ch, sinh ngày 20/3/2003. Hiện nay cháu Chiến đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Bàn Văn Q đến để giải quyết việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Q đều không có mặt, anh Q không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Q vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Bàn Thị Tâm (mẹ đẻ của anh Bàn Văn Q) thì anh Q và chị L được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh Q và chị L chung sống tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu vợ chồng anh Q, chị L sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015, 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L bỏ nhà đi và không về chung sống cùng anh Q nữa, chị L và anh Q sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Việc chị L làm đơn xin ly hôn với anh Q, anh Q biết việc chị L khởi kiện ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh Q. Chị L và anh Q có 01 con chung là cháu Bàn Văn Chiến, sinh ngày 20/3/2003, hiện nay cháu Ch đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động bình thường.

Tại biên bản xác minh ngày 24/8/2022 tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa thể hiện: Anh Bàn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương, anh Q đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, thì thoảng anh Q có về thăm gia đình hai ba hôm rồi lại đi làm ngay. Cuộc sống vợ chồng chị L và anh Q có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q không chịu làm ăn kinh tế, hay uống rượu và có đánh chị L, chị L và anh Q sống ly thân đã lâu. Anh Q và chị L có một con chung là cháu Bàn Văn Ch, sinh năm 2003 hiện nay cháu Chiến đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn*” của chị Dương Thị L, cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Bàn Văn Q.

- Về con chung: Chị L và anh Q có một con chung là Bàn Văn Ch, sinh ngày 20/3/2003. Hiện nay cháu Chiến đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động bình thường nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Bàn Văn Q không phải chịu án phí dân sự ly hôn, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Dương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn Q; anh Bàn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Bàn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn KT, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở mới và nơi làm việc nên hiện tại không rõ anh Q đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Q, anh Q biết việc chị L khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhưng anh Q không trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với việc chị L xin ly hôn và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Bàn Văn Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Dương Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

#### *[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Bàn Văn Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; đăng ký kết

hôn vào ngày 10/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã KP, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Chị Dương Thị L và anh Bàn Văn Q đăng ký kết hôn năm 2002 và chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không tu trí làm ăn, thích chơi bời, không quan tâm đến vợ con, chị L và anh Q sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị L và anh Quý thực tế đã không tồn tại từ năm 2016, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị L, xử cho chị Dương Thị L được ly hôn anh Bàn Văn Q.

[2.2] Về con chung: Chị Dương Thị L và Bàn Văn Q có 01 con chung tên là Bàn Văn Ch, sinh ngày 20/3/2003. Xét thấy hiện nay cháu Ch đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Bàn Văn Q không phải chịu án phí.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn*” của chị Dương Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Bàn Văn Q.

2. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0005355

ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được chuyển thành tiền án phí. Anh Bàn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Dương Thị L và anh Bàn Văn Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã KP;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lương Thị Huệ**